

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Trương Thanh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 506/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 821/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Chúc D, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Chị Đinh Bé S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Chúc D trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Bé S kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh C vào ngày 10/7/2006. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Đinh Bé S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Bảo Trâm, sinh ngày 14/10/2005 và Lê Thị Bảo Vy, sinh ngày 15/8/2012.

Hiện tại các con đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn anh D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh xác định anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị Đinh Bé S trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như anh D trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D có người phụ nữ khác. Tuy nhiên, do các con còn nhỏ, chị vẫn còn tình cảm với anh D nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung đúng như anh D trình bày. Hiện các con đang sống chung với anh chị. Trường hợp Tòa án giải quyết để anh chị ly hôn thì chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Bảo Vy, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định chị và anh D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị S đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị S là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Chúc D xin ly hôn với chị Đinh Bé S; được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Thị Bảo Trâm, cháu Lê Thị Bảo Vy, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu được ly hôn với chị S.

Chị S xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có người phụ nữ khác, chị vẫn còn tình cảm với anh D nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nay anh D xác định anh không còn tình cảm với chị S nên anh D không thể duy trì quan hệ hôn nhân với chị S cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người chồng đối với vợ. Do đó, việc kéo dài quan hệ hôn nhân cũng chỉ khiến đôi bên thêm tổn thương và đau khổ. Chị S muốn được hàn gắn với anh D nhưng lại không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn, cũng như không có phương pháp để vun đắp tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của anh D và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, cho anh D được ly hôn với chị S là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị S thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Bảo Trâm, sinh ngày 14/10/2005 và cháu Lê Thị Bảo Vy, sinh ngày 15/8/2012 và hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh chị.

Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi các con. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu Vy.

Đối với cháu Trâm, sau khi ly hôn, anh D có nguyện vọng nuôi cháu Trâm, chị S cũng thống nhất giao cháu Trâm cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Trâm cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh D. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự, giao cháu Trâm cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Đối với cháu Vy, sau khi ly hôn, cả anh D và chị S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vy. Tuy anh D và chị S không có chứng cứ gì chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng cháu Vy nhưng hiện nay anh D và chị S đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên cả anh D và chị S đều có điều kiện để trực tiếp nuôi dạy cháu Vy. Tuy nhiên, hiện tại cháu Vy đang sống cùng với cháu Trâm, việc chia cắt cháu Vy với chị mình cũng có thể gây ra tổn thương cho cháu Vy, hơn nữa nguyện vọng của cháu Vy là được sống cùng với cha. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D giao cháu Vy cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tuy giao cháu Trâm, cháu Vy cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh D và chị S đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh D và chị S xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh D và chị S xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chúc D được ly hôn với chị Đinh Bé S.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lê Thị Bảo Trâm, sinh ngày 14/10/2005 và cháu Lê Thị Bảo Vy, sinh ngày 15/8/2012 cho anh Lê Chúc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Đinh Bé S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê Chúc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002453 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Lê Chúc D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Đinh Bé S vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Tân Thành, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Trương Thanh Quốc**